

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày: 01/04/2012 đến ngày: 30/06/2012

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	315.150.042.339	369.243.396.996
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		315.150.042.339	369.243.396.996
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	284.130.670.012	318.412.436.660
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-4)	20		31.019.372.327	50.830.960.336
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	12.555.291	20.640.566
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1.286.064.028	2.421.048.188
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.252.707.696	2.325.483.748
8. Chi phí bán hàng	24		1.999.739.870	3.829.495.869
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.169.967.487	5.614.327.404
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		23.576.156.233	38.986.729.441
11. Thu nhập khác	31		17.507.008	17.507.008
12. Chi phí khác	32		84.237.800	84.237.800
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(66.730.792)	(66.730.792)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.509.425.441	38.919.998.649
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5.898.415.810	9.751.059.112
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.611.009.631	29.168.939.537
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ghi chú: Báo cáo tài chính thực hiện cho giai đoạn chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần nên không trình bày số liệu so sánh.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Lê Thị Ánh Nguyệt

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Trần Thị Thịnh

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2012

T. GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)




Dương Hữu Hiếu